

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----☆☆☆-----

Bản án số: 394/2020/HS-PT

Ngày: 11/8/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Tuấn;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, cán bộ
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự
Thụ lý số 222/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Phan Anh T
do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HSST
ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Phan Anh T- sinh năm 1987; tên khác: Không; Quê quán: huyện M,
thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: tổ 37, khu 8,
phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn
giáo: không; Văn hoá: 12/12. Nghề nghiệp: cán bộ Ngân hàng; Bố đẻ: Phan Văn
Đ- sinh năm 1960; Mẹ đẻ: Lưu Thị N- sinh năm 1960; Vợ: Bùi Thị Bích N1-
sinh năm 1990; Anh chị em ruột: gia đình có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Tiền
án- tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/5/2018 đến nay. Hiện bị cáo đang bị
tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Phú Thọ.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đỗ Thị H- Công ty luật TNHH
Thanh M thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lưu Thị T1 và 18 người có quyền
lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị, kháng cáo

nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần hóa chất V được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 2600108217 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/02/2016. Trụ sở tại phố S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật là ông Văn Đình H1- Tổng giám đốc. Vốn điều lệ 109.880.590.000đ. Tổng số cổ phần: 109.880.590.000đ, trong đó: Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước giữ 7.526.619 cổ phiếu chiếm 68,5% vốn điều lệ, còn lại 31,5% do các cổ đông góp vốn. Công ty hoạt động theo điều lệ Công ty cổ phần hóa chất V được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 22/04/2017 và ngày 20/04/2018.

Từ ngày 01/7/2016 đến ngày 20/4/2018, Lưu Thị T1 được Công ty cổ phần hóa chất V phân công nhiệm vụ làm kế toán thanh toán, là người duy nhất có chức năng, nhiệm vụ lập các chứng từ thanh toán, trực tiếp giao dịch với các ngân hàng liên quan đến các nghiệp vụ vay nợ và thanh toán.

Lợi dụng chức năng nhiệm vụ được giao, trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018, Lưu Thị T1 đã dùng thủ đoạn tẩy xóa, sửa chữa tên đơn vị, số tài khoản thụ hưởng trên các ủy nhiệm chi để cấu kết với Phan Anh T- sinh năm 1987, hiện có hộ khẩu thường trú tại: tổ 37, khu 8, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, là cán bộ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Phú Thọ (là bạn học cùng phổ thông với T1) để chiếm đoạt **10.540.491.155đ** và trực tiếp chiếm đoạt **619.189.200đ** của công ty cổ phần hóa chất V sử dụng cá nhân, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 10.540.491.155đ của Lưu Thị T1 và Phan Anh T:

Lợi dụng tên “Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng P” số tài khoản 108001024096 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh H (sau đây gọi tắt là công ty P Phú Thọ), do ông Phan Văn Đ, SN1960, thường trú: P. T, TP V, Phú Thọ làm giám đốc (ông Đ chỉ đứng tên giám đốc công ty, thực tế mọi hoạt động hoạt động đều do Phan Anh T là con trai ông Đ điều hành) có tên gần giống với tên công ty có quan hệ kinh tế thật với Công ty CP hóa chất Việt Trì là công ty “*TNHH kinh doanh xây dựng P*” địa chỉ phường D, quận C, thành phố Hà Nội, số tài khoản: 19128970950866 mở tại ngân hàng Techcombank, chi nhánh H- Hà Nội (sau đây gọi tắt là công ty P Hà Nội) nên Lưu Thị T1 đã bàn bạc thống nhất với T dùng thủ đoạn gian dối chuyển tiền

thanh toán của Công ty cổ phần hóa chất V cho công ty P Hà Nội vào tài khoản của Công ty P Phú Thọ, sau đó rút ra chia nhau sử dụng.

Vào các ngày 10/01, 18/01 và 08/02 năm 2018, T1 lập 03 ủy nhiệm chi nội dung tại mục tên người thụ hưởng là công ty Công ty P Hà Nội nhưng tại mục số tài khoản người thụ hưởng T1 lại đưa số tài khoản: **108001024096** của công ty Công ty P Phú Thọ với tổng số tiền là 1.783.739.700đ trình kế toán trưởng là bà Lại Thị Hạnh N2 và Tổng giám đốc là ông Văn Đình H1 ký duyệt chi. Do khi trình ký duyệt chi, Lưu Thị T1 có trình kèm theo hồ sơ là chứng từ gốc đề nghị thanh toán của bộ phận chức năng đề nghị thanh toán tiền cho Công ty P Hà Nội nên bà N1 và ông H1 không kiểm tra số tài khoản thanh toán và không phát hiện được việc T1 đã thay số tài khoản nhận tiền trên ủy nhiệm chi là tài khoản của Công ty P Phú Thọ. Sau đó T1 dùng 03 ủy nhiệm chi đến Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh H làm thủ tục đề nghị chuyển tiền đến Công ty P Phú Thọ để T chỉ đạo ông Đ rút số tiền 1.783.739.700đ chuyển lại cho T. Toàn bộ số tiền này Phan Anh T đã sử dụng cá nhân hết. Cụ thể:

- Ngày 10/01/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 491.224.800đ.
- Ngày 18/01/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 726.546.700đ.
- Ngày 08/02/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 565.968.200đ.

Vào các ngày 08/02, 12/02, 29/3, 13/04 năm 2018, T1 lập 04 ủy nhiệm chi chuyển tiền thanh toán cho các khách hàng của Công ty cổ phần hóa chất V (T1 không nhớ là cho khách hàng nào) với tổng số tiền 5.443.107.893đ trình bà Lại Thị Hạnh N2, ông Văn Đình H1 ký duyệt chi. Sau đó T1 đã cạo lớp mực in ở mục tên người thụ hưởng, mục số tài khoản, mục số tiền bằng số, mục số tiền bằng chữ, nội dung chuyển tiền trên ủy nhiệm chi; nhập lại trên máy tính tại mục tên người thụ hưởng, số tài khoản thụ hưởng là của công ty P Phú Thọ, và thực hiện in đè lên ủy nhiệm chi đã tẩy xóa. Sau đó T1 dùng các ủy nhiệm chi này đến ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh H làm thủ tục đề nghị chuyển tiền đến tài khoản Công ty P Phú Thọ để T chỉ đạo ông Đ rút số tiền 5.443.107.893đ chuyển lại cho T. Toàn bộ số tiền này Phan Anh T đã sử dụng cá nhân hết, cụ thể:

- Ngày 08/02/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 565.000.000đ.
- Ngày 12/02/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 1.586.090.000đ.
- Ngày 29/03/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 1.792.017.893đ
- Ngày 13/04/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 1.500.000.000đ.

Do Phan Anh T có vay tiền của bà Dương Thị Hồng N3 SN 1981, HKTT: xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trước đó với tổng số tiền 3.627.000.000đ. Nên

sau khi rút số tiền 1.500.000.000đ T đã chỉ đạo ông Đ đưa cho bà N3 1.320.000.000đ. Còn lại 180.000.000đ ông Đ đưa lại cho T. Sau khi được Cơ quan điều tra cho biết số tiền 1.320.000.000đ này là do T chiếm đoạt của Công ty cổ phần hóa chất V nên ngày 18/06/2018, bà Dương Thị Hồng N3 đã tự nguyện nộp lại số tiền 1.320.000.000đ tại Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ.

Đến ngày 30/3/2018 do sợ bị Công ty CP hóa chất V phát hiện nên T1 đã thống nhất với T chỉ đạo ông Đ chuyển lại số tiền 1.056.224.800đ từ tài khoản Công ty P Phú Thọ đến tài khoản công ty CP Hóa chất V. Do vậy bằng thủ đoạn này T1 và T đã chiếm đoạt của Công ty CP hóa chất V: $5.443.107.893đ - 1.056.224.800đ = 4.386.883.093đ$

Vào các ngày 05/04 và 19/04 năm 2018, Lưu Thị T1 lập 02 ủy nhiệm chi nội dung: mục tên người hưởng là Công ty P Phú Thọ, số tài khoản 108001024096 và sửa chữa số tiền chuyển trên ủy nhiệm chi phù hợp với hồ sơ thanh toán nợ cho các đơn vị khác (các đơn vị thực tế Công ty CP Hóa chất V phải thanh toán nợ) với tổng số tiền 4.369.868.362đ. Sau đó T1 dùng ủy nhiệm chi đến ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh H làm thủ tục đề nghị chuyển tiền cho Công ty P Phú Thọ để T chỉ đạo ông Đ rút số tiền 4.369.868.362đ chuyển lại cho T và T1 sử dụng cá nhân. Cụ thể:

- Ngày 05/04/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 869.868.362đ. T chỉ đạo ông Đ rút 869.868.362đ chuyển lại cho T sử dụng cá nhân.

- Ngày 19/04/2018, T1 lập ủy nhiệm chi chuyển 3.500.000.000đ .T chỉ đạo ông Phan Văn Đ cùng ông Phan Anh T2 SN 1990, HKTT: khu 8, T, V, tỉnh Phú Thọ (là em trai của Phan Anh T) đến ngân hàng công thương Việt Nam- chi nhánh Phú Thọ rút 3.500.000.000đ đưa lại cho T. Số tiền này T đưa lại cho T2 2.000.000.000đ để T2 nộp vào tài khoản của bà Đỗ Thị T3 địa chỉ: phường T, quận B, thành phố Hà Nội (là chị họ của Lưu Thị T1). Sau đó bà T3 chuyển lại cho T1 2.000.000.000đ để T1 sử dụng trả nợ ngân hàng và sử dụng cá nhân. Còn lại 1.500.000.000đ T sử dụng cá nhân hết.

Như vậy: bằng các thủ đoạn cụ thể như đã nêu trên, T1 và T đã đồng phạm chiếm đoạt của Công ty CP hóa chất V: **10.540.491.155 đồng**. Trong đó: - T1 sử dụng cá nhân 2.000.000.000đ.

- T sử dụng cá nhân 8.540.491.155đ.

Trong tổng số tiền **10.540.491.155 đồng** T1 và T đã chiếm đoạt của Công ty CP hóa chất V nêu trên có 9.975.491.155đ do Công ty cổ phần hóa chất V vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam- Chi nhánh H. Đến nay Công ty cổ phần hóa chất V đã trả nợ toàn bộ nợ gốc là 9.975.491.155đ và lãi phát sinh là 21.221.812đ cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương

Việt Nam- Chi nhánh H. Do vậy T1 và T phải chịu trách nhiệm về số tiền lãi phát sinh này. Tuy nhiên trong quá trình điều tra Phan Anh T đã tự nguyện nhận trách nhiệm về số tiền lãi này mà không yêu cầu T1 phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty cổ phần hóa chất V.

Tại cơ quan điều tra bị can Lưu Thị T1 và Phan Anh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 30/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Anh T 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phan Anh T.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc Phan Anh T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần Hóa chất V số tiền: 7.241.712.000đ (Bảy tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Lưu Thị T1, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2019, bị cáo Phạm Anh T kháng cáo xin giảm hình phạt và kháng cáo đối với phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm; Biên bản đối chất BL546-547; các giấy nhận tiền; kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ cùng các chứng cứ, tài liệu khác, có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền trả nợ, tiêu sài cá nhân T đã cùng T1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 10.540.419.155đ của Công ty hóa chất V; trong đó T chiếm đoạt 7.220.491.155đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận chiếm đoạt gần 6 tỷ nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh, bị cáo thừa nhận quá trình điều tra, truy tố không bị ép cung. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đủ cơ sở kết luận bị cáo T chiếm đoạt 8.540.491.155đ, đã bồi hoàn do bà N3 nộp cho Cơ quan điều tra 1.320.000.000đ, còn phải bồi thường 7.220.491.155đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cho rằng số tiền quy kết chiếm đoạt là không đúng, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; bị cáo cũng không đưa

ra được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không có kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, do tính chất của giai đoạn phúc thẩm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, kiến nghị giám đốc thẩm đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, do mức hình phạt đối với bị cáo có phần nhẹ.

* Luật sư Đỗ Thị H bào chữa cho bị cáo Phan Anh T tranh luận: Về tội danh, điều khoản áp dụng luật sư không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo do bị rủ rê, lôi kéo, trước khi phạm tội T là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện, điều tra, sớm giải quyết nhiều vụ án và được Cơ quan điều tra có công văn đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo, mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo một phần hình phạt để sớm trở về gia đình và xem xét lại phần bồi thường dân sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018 Lưu Thị T1 là Kế toán của Công ty cổ phần hóa chất V đã bàn bạc với Phan Anh T là cán bộ công tác tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt 10.540.419.155đ của Công ty cổ phần hóa chất V rồi chia nhau sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện như sau: T1 dùng thủ đoạn tẩy xóa, sửa chữa tên đơn vị, số tài khoản thụ hưởng trên các ủy nhiệm chi từ “Công ty TNHH kinh doanh xây dựng P”- là Công ty thực tế có phát sinh quan hệ kinh tế với Công ty CP Hóa chất V thành “Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng P”- do bố đẻ của T là ông Phan Văn Đ làm Giám đốc và thủ đoạn khác như ghi số tài khoản thụ hưởng của Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng P nhưng sử dụng bộ chứng từ gốc của đơn vị khác có quan hệ kinh tế với Công ty cổ phần hóa chất V để chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi và tài khoản tiền vay của Công ty cổ phần hóa chất V sang tài khoản của Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng P mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam- Chi nhánh H sau đó T1 và T rút tiền ra chia nhau sử dụng. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2018, Lưu Thị T1 đã chuyển được: 11.596.715.955đ đến Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng P. Sau đó, Phan Anh T nhờ ông Phan Văn Đ- Giám đốc Công ty rút số tiền trên chuyển cho Phan Anh T. Từ đó Phan Anh T và Lưu Thị T1 hoàn thành việc thực hiện hành vi chiếm đoạt. Ngày 30/3/2018, Công ty TNHH thương mại vận tải và xây dựng P đã nộp lại cho Công ty cổ phần hóa chất V 1.056.224.800đ; số tiền thực tế

Công ty cổ phần hóa chất V bị chiếm đoạt là: 10.540.419.155đ, trong đó: số tiền T1 chiếm hưởng là 2.000.000.000đ; số tiền T chiếm hưởng là 8.540.491.155đ.

Ngoài ra, Tình còn chuyển khoản từ tài khoản của Công ty CP Hóa chất V đến tài khoản cá nhân của chị Dương Thị Hồng N3- sinh năm 1981 với số tiền là: 619.189.200đ; trong đó: T1 chiếm hưởng: 470.571.600đ; N3 sử dụng số tiền: 148.617.600đ.

Như vậy, Công ty cổ phần Hóa chất V bị thiệt hại tổng số tiền: 11.159.680.355đ; trong đó: số tiền T1 chiếm hưởng là: 2.470.571.600đ; số tiền T chiếm hưởng là: 8.540.491.155đ; số tiền Dương Thị Hồng N3 sử dụng là: 148.617.600đ. Quá trình điều tra và trong giai đoạn truy tố, Lưu Thị T1 đã tự nguyện (thông qua chồng) nộp toàn bộ số tiền chiếm hưởng là 2.470.571.600đ cho Cơ quan điều tra để trả cho Công ty CP Hóa chất V; Dương Thị Hồng N3 đã tự nguyện nộp số tiền 1.468.617.600đ (trong đó có 1.320.000.000đ N3 nhận từ T; 148.617.600đ N3 nhận từ T1) để trả cho Công ty CP Hóa chất V. Đến nay, Công ty CP Hóa chất V còn chưa thu hồi được: 7.220.491.155đ và 21.221.812đ tiền lãi phát sinh từ khoản tiền vay do T1 và T chiếm đoạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phan Anh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng cho rằng không chiếm đoạt số tiền như Tòa án cấp sơ thẩm qui kết. Hội đồng xét xử xét thấy lời tự bào chữa của bị T không có cơ sở vì không đưa ra được chứng cứ để chứng minh trong khi đó lời khai của bị cáo T1 và bị hại, phù hợp với các tài liệu thu giữ được có căn cứ xác định hành vi phạm tội của T như đã phân tích nêu trên.

Như vậy, Phan Anh T và Lưu Thị T1 đã phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo cùng Lưu Thị T1 gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần hóa chất V. Do đó, cần phải được xét xử nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phục vụ cho công tác phòng chống phạm tội nói chung.

[3] Xét vai trò và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị T cáo thấy rằng: Phan Anh T trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực đã hưởng 3/4 tài sản chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Anh T thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phan Anh T thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt là đủ tác dụng trừng trị và cải tạo, giáo dục bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Lưu Thị T1 đã chiếm hưởng số tiền: 2.470.571.600đ và đã hoàn trả lại đầy đủ cho công ty cổ phần hóa chất V; Chị Dương Thị Hồng N3 đã nhận tiền từ T1 và T, sau khi biết được số tiền đó là do T1 và T chiếm đoạt của công ty cổ phần hóa chất V thì chị N3 đã hoàn trả lại đầy đủ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác nhận là đúng pháp luật.

- Bị cáo Phan Anh T mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo chỉ thừa nhận chiếm hưởng hơn 3 tỷ đồng nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã chứng minh được việc bị cáo chiếm hưởng số tiền 7.220.491.155đ và 21.221.812đ tiền lãi. Điều này phù hợp với các lời khai của T có trong hồ sơ vụ án như lời khai ngày 27/10/2018: Tôi thừa nhận từ đầu năm 2016 đến 19/4/2018 tôi sử dụng 8.540.491.155đồng, tôi xin chịu trách nhiệm dân sự về số tiền này (trong đó có 1.320.000.000đ Dương Thị Hồng N3 nhận từ T và N3 đã nộp để trả Công ty cổ phần Hóa chất V); mục đích tôi chiếm đoạt tiền của Công ty cổ phần Hóa chất V để tôi trả các khoản nợ cá nhân và chi tiêu việc cá nhân. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Phan Anh T về nội dung này. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho công ty cổ phần hóa chất V số tiền 7.220.491.155đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bị T cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự trong vụ án hình sự và án phí hình sự phúc thẩm theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Anh T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phan Anh T.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Anh T phạm tội: “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Anh T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30/5/2018.

- Áp dụng Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp 06 (sáu) năm tù tại Bản án số 55/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt Phan Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 3 Điều 174 BLHS; buộc Phan Anh T phải chấp hành chung cho cả hai Bản án là 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2018.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phan Anh T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc Phan Anh T phải hoàn trả cho Công ty cổ phần Hóa chất Việt Trì số tiền: 7.241.712.000đ (Bảy tỷ hai trăm bốn mươi một triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

+ Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có đơn yêu cầu, mà bị cáo vẫn chưa trả được số tiền trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa trả được. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

+ Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Anh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 115.241.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự.

Phan Anh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cục T.H.A DS tỉnh Phú Thọ;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (thông qua Ban giám thị T.T.G);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng

- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP TANDCC.